TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: **24/4/2018**.
"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Thời** và bà **Vũ Thị Khuôn**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà ***Đặng Ngọc Anh*** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà: Ông ***Nguyễn Văn Nhiệm*** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 124/2018/ST-HNGĐ ngày 14/3/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Nhật L**, sinh năm 1994

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số nhà 546 phố Trần HĐ, Tiểu khu Bình L, thị trấn Bình Mỹ, huyện BL, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Mạnh D**, sinh năm 1992

Đăng ký hộ khẩu và trú tại: Số nhà 89 ngõ 120 đường Trần HĐ, phường Ngọc C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị L có mặt; anh D xin vắng mặt tại phiên tòa ;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn là chị Phan Nhật L trình bày: Chị và anh Nguyễn Mạnh D được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn ngày 18/9/2015 tại UBND phường Ngọc C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng không chung sống với nhau, mỗi người sống một nơi tại nhà của bố mẹ mình, thi thoảng một trong hai bên đi lại về thăm nhau và thăm một hai ngày. Do sống xa cách nên tình cảm vợ chồng tẻ nhạt, không ai quan tâm tới ai, việc ai người đó làm, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không có, không có hạnh phúc và không thể kéo dài

cuộc hôn nhân vô bổ này thêm được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Ngoài ra chị khẳng định anh D có đăng ký hộ khẩu, cư trú và sinh sống tại số nhà 89 ngõ 120 đường Trần HĐ, phường Ngọc C, thành phố H, tỉnh Hải Dương, không có địa chỉ nào khác địa chỉ trên. Tuy nhiên, do anh D đi làm ăn cùng các bạn bè nay đây mai đó, không có địa chỉ cố định nên chị đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng, triệu tập anh D theo địa chỉ trên để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

Tại bản tự khai của bị đơn là anh Nguyễn Mạnh D trình bày: Anh với chị L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/9/2015 tại UBND phường Ngọc C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng thời gian 01 tháng đầu, ngay sau khi cưới chị L về nhà bố mẹ đẻ ở BL, Hà Nam ở không chung sống cùng anh, khi sinh con anh động viên chị L về chung sống với anh nhưng chị L không về. Do cuộc sống không có ý nghĩa vì mỗi người ở một nơi nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, rồi dần dần sống ly thân nhau, thời gian ly thân đến nay được hơn 01 năm, trong suốt thời gian này anh chị không quan tâm gì đến nhau, thi thoảng anh có điện thoại hỏi thăm con. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị L, chị L xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý. Do công việc làm ăn của anh không cố định nên anh không thể có mặt để giải quyết vụ án theo lịch Tòa án ấn định, anh đề nghị Tòa án không tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng ở khu dân cư; anh xác định đã nhận được toàn bộ giấy tờ, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị L, anh không có ý kiến gì và đề nghị không tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử và cho anh được vắng mặt tại phiên tòa.

Về con chung: Chị L và anh D đều xác định có 01 con chung là Nguyễn Trà M, sinh 04/3/2016; chị L trực tiếp nuôi dưỡng con từ khi sinh ra. Nay vợ chồng ly hôn chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị, anh D hoàn toàn đồng ý.

Về tài sản chung; *tài sản riêng; nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình*: Chị L và anh D đều xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Về án phí:*Chị L và anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác minh tại địa phương nơi anh D cư trú; Đại diện khu dân cư thể hiện: Anh D là công dân của khu dân cư số 6 phường Ngọc C, thành phố H. Anh D và chị L là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại

UBND phường Ngọc C, thành phố H. Tuy nhiên, kể từ khi kết hôn cho đến nay anh D và chị L không chung sống với nhau tại khu dân cư, sau khi cưới anh D sống cùng mẹ đẻ là bà Trần Thị Lý. Chị L về ở với bố mẹ đẻ ở thị trấn Bình Mỹ, huyện BL, tỉnh Hà Nam, hiện nay anh D đi làm ăn cùng bạn bè ở đâu, chính quyền địa phương không biết, anh D không xin tạm vắng và gia đình anh D cũng không trình báo gì với khu dân cư về việc anh D vắng mặt nhưng hàng tháng anh D vẫn về nhà một, đôi lần. Khoảng hơn 01 năm nay không thấy chị L cho con về Hải Dương thăm anh D và bà nội của cháu. Nay chị L xin ly hôn anh D, đại diện khu dân cư đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

Thông qua gia đình anh D, bà Trần Thị Lý là mẹ đẻ anh D xác định: Kể từ khi kết hôn cho đến nay, vợ chồng chị L, anh D không chung sống với nhau, khi thì chị L về thăm anh D, khi thì anh D sang thăm mẹ con chị L. Do anh chị không sống bên nhau, dẫn đến thiếu thốn tình cảm vợ chồng vì mỗi đứa một nơi nên anh D chán nản cuộc sống vợ chồng, không có hạnh phúc và quyết định đi làm ăn cùng các bạn bè, do công việc đi tiếp thị thị trường nên nay chỗ này, mai chỗ khác, không ở một địa chỉ cố định nào, hàng ngày anh điện thoại về hỏi thăm sức khỏe của bà và 01 tháng về thăm bà một, đôi lần. Khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và các giấy tờ, tài liệu cho anh D, bà đều gửi tận tay cho anh D nhận, anh thể hiện quan điểm, xác định không có tình cảm và không còn tình cảm vợ chồng với chị L, anh D nhờ bà gửi bản tự khai, ý kiến, quan điểm của anh về việc chị L xin ly hôn anh và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, anh D hoàn toàn đồng ý.

Tại phiên toà nguyên đơn là chị Phan Nhật L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn với anh D; được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con, ngoài ra không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Áp dụng Điều 51, 56 , 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. *1. Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Phan Nhật L được ly hôn anh Nguyễn Mạnh D; *2. Về con chung*: Giao con là Nguyễn Trà M,

sinh ngày 04/3/2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 4/2018 đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Không phải giải quyết nên không xem xét. Về án phí: chị Phan Nhật L phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Do anh Nguyễn Mạnh D đi làm ăn không ở địa chỉ nào cố định, chị L và gia đình anh D đều không biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập đương sự cho anh D đến tham gia tố tụng tại phiên tòa thông qua bà Lý là mẹ đẻ anh D. Tòa án đã lấy lời khai của bà Lý, bà xác định đã gửi tận tay anh D nhận và anh D xác định đã nhận toàn bộ giấy tờ, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng của Tòa án. Anh đề nghị Tòa án không mở phiên hòa giải đưa vụ án ra xét xử vụ án cho phép anh được vắng mặt tại phiên tòa. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng, đã tiến hành giải quyết vụ án đảm bảo tính hợp lệ việc tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với nguyên, bị đơn nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cũng như tạo điều kiện để bị đơn là anh D thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn*: Chị Phan Nhật L và anh Nguyễn Mạnh D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc C, thành phố H vào ngày 18/9/2015, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 tuần thì chị L về quê BL, Hà Nam ở với bố mẹ đẻ từ đó cho đến nay, anh D chung sống cùng mẹ đẻ ở thành phố H; thời gian đầu khi thì chị L về thăm anh D; khi thì anh D sang thăm chị L. Tuy nhiên, cả hai đều xác định do không chung sống bên nhau, không có tình cảm và không hạnh phúc nên từ đầu năm 2017 cho đến nay cả hai không liên lạc, thăm hỏi, quan tâm gì tới nhau nữa. Anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các

công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung:* Chị L, anh D xác định có 01 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 04/3/2016, hiện chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh D đồng ý. Đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế vì hiện nay công việc của anh D thường xuyên đi tiếp thị thị trường nay tỉnh này mai tỉnh khác không thể chăm sóc, nuôi dưỡng con được. Mặt khác, con còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) lại là con gái cần có sự chăm sóc dạy dỗ, gần gũi của người mẹ. Xét việc giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho con và phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với việc chị L tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX thấy rằng hiện nay chị L có công việc làm ổn định, có thu nhập, có khả năng đảm bảo cuộc sống cho con nên sự tự nguyện của chị L phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Chị L và anh D đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Phan Nhật L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227*;* khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phan Nhật L được ly hôn anh Nguyễn Mạnh D.

2. Về con chung: Xử giao con là Nguyễn Trà M, sinh 04/3/2016 cho chị Phan Nhật L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 4/2018 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nguyễn Mạnh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Nhật L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0003305 ngày 14 tháng 3 năm 2018 do chị L nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hải Dương. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Báo cho nguyên đơn là chị Phan Nhật L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố H;
- Chi cục THA dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Ngọc C, TPHD;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Trương Thị Tố Uyên